
Ngô Sĩ Liên

Ở Hà Nội, thủ đô nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, đến vùng Hàng Đũa ngày trước, ta thấy có phố Ngô Sĩ Liên. Và một số trò nhỏ đi học, thường cắp sách đến trường gọi là trường Ngô Sĩ Liên. Vậy tiểu sử của Ngô Sĩ Liên ra sao, ta thử cùng nhau nghiên cứu.

Ông là người thế kỷ 15, vì năm sinh và năm mất nay không đủ tài liệu để nói rõ, chỉ biết rằng ông là người làng Chúc Lý (nay thuộc thôn Chúc Sơn, xã Ngọc Hòa, huyện Chương Mỹ, Hà Nội), đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1442), năm Đại bảo thứ 3 đời Lê Thái Tông (1434-1442), được vào làm việc ở viện Hàn lâm.

Khi Lê Nghi Dân giết Nhân Tông (1459), cướp ngôi, Ngô Sĩ Liên làm Đô ngự sử.

Dưới triều Lê Thánh Tông (1460-1497), Ngô Sĩ Liên làm Hữu thị lang bộ Lễ, Triều liệt đại phu, kiêm Tư nghiệp Quốc tử giám, lại kiêm Quốc sử quan tu soạn. Thế là ông phụ trách việc giáo dục cả nước ở nhà quốc học, đồng thời làm lại việc biên soạn lịch sử.

Năm Hồng Đức thứ 10 (1479), Ngô Sĩ Liên viết bài tựa sách *Đại Việt sử ký toàn thư* mà ông là tác giả một phần trong bộ sách này. Bấy giờ là tiết đông chí năm Kỷ Hợi (1479). Và cùng ngày, cùng tháng, cùng năm, ông viết bài biểu dâng bộ sử này lên vua Lê Thánh Tông, trong đó có những câu như: "... Gợi là Đại Việt sử ký toàn thư. Thêm vào đó là phần "Ngoại ký" gồm Hồng Bàng, Thục Vương, cộng bao nhiêu quyển. Nay đã biên xong, theo lối biên niên của sử Tư Mã (Quang)⁽¹⁾, nhưng thẹn sách mình là loại sách chấp vả, học cách chép việc này rồi đến việc khác như kinh *Xuân thu*, nhưng đầu đám câu được nghiêm cẩn mà so sánh. Chỉ là để góp vào đạo thường cần dùng hàng ngày và về môn học cách vật trí tri, trong khi nhàn rảnh, để cùng xem đọc đôi chút. Truyền tin, truyền nghi, mong không thẹn với sử xanh; chép lời, chép việc, ngõ hầu đủ khảo về văn hiến..." (*Đại Việt sử ký toàn thư*, phần "Đinh", tờ 2b – 3a).

Qua các tài liệu cũ hiện còn, chúng ta biết rằng, ở nước ta, việc soạn sử bắt đầu từ đời Trần Tấn rồi đến đời Lê Văn Hưu, rồi đến Phan Phu Tiên, vạch ra con đường đi trước. Ngô Sĩ Liên kế thừa sự nghiệp của các tiên hiền, tiếp tục việc biên soạn quốc sử, giúp cho chúng ta ngày nay còn biết được một số ý kiến bình luận về người và việc lịch sử của các vị như Lê Văn Hưu và Phan Phu Tiên, v.v... Đó là nhờ những lời trích dẫn trong *Đại Việt sử ký toàn thư* mà Ngô Sĩ Liên đã đóng góp một phần quan trọng.

*

* *

Bây giờ qua lời bàn trong bộ sử nói trên, ta thử nhận định về quan niệm và tư tưởng của Ngô Sĩ Liên, đặc biệt là về quan điểm và lập trường của ông.

Về việc Triệu Văn Vương, cháu nội Triệu Đà qua đời, Ngô có lời bàn rằng: "... Văn Vương biết tiếp thu lời can ngăn, cáo ốm không vào châu vua nhà Hán, theo giữ phép nhà, lo toan gìn giữ cho con cháu, có thể nói là không thẹn với ông nội..." (*Đại Việt sử ký toàn thư*, quyển II, tờ 12a).

Đối với cuộc khởi nghĩa của Hai bà Trưng, Ngô Sĩ Liên có lời nhận định: "Bà Trưng căm phẫn thái thú nhà Hán bạo ngược, vén cánh tay giơ lên, cất giọng hô to một tiếng mà quốc thống nước ta cơ hồ lại được hợp lại. Cái khí khái anh hùng ấy há riêng thể hiện ở chỗ dựng nước, xưng vương trong lúc sống thôi đâu? Đến khi mất rồi, lại cứu hoạn nạn, chống tai ương (cho dân), phạm những lúc có xảy tai nạn, tử thương, hạn, lụt, (hết dân) cầu đảo thì việc gì cũng được ứng nghiệm. Bà Trưng em cũng vậy. Thế mới biết phụ nữ mà có hành động như đàn ông thì khí phách hùng dũng vẫn bằng bạc ở vòng trời đất, không vì thể chất mất đi mà có giảm kém. Vậy, đại trượng phu há chẳng nên gây nuôi lấy cái khí cương trực chính đại hay sao? (sách dẫn trên, quyển III, tờ 4a).

Bây giờ nhắc đến lời bàn về Lê Thái Tổ: "Thái Tổ từ khi lên ngôi đến nay (khi mất), thi thố chính sự đều khá quan, như: Định luật lệnh, đặt lễ nhạc, mở khoa thi..., biên chế quan chức, thiết lập phủ huyện, sưu tầm sách vở, dựng trường học... quy mô sáng nghiệp có thể gọi là rộng lớn...". Lời bàn nếu chỉ đến đây thì là thông thường lắm rồi, vì nó chỉ có tính chất nêu phần ưu điểm của một vị vua sáng nghiệp ở đương triều, mà người bàn ấy lại là một sử thần của triều đại đang nắm chính quyền, thiết tưởng chẳng có gì là lạ! Đáng lạ là sử thần ấy dám thẳng thắn nêu ra phần khuyết điểm của nhà vua để thiên hạ và đời sau cùng biết: "... Song phải cái là đa nghi, hiếu sát, đó là chỗ sở đoản!" (sách dẫn trên, cuối phần "Lê Thái Tổ Cao hoàng đế").

Xuyên qua những lời bàn của Ngô Sĩ Liên trên đây, ta có thể rút ra mấy nhận định: Riêng về phần sử học, ông, trên kế thừa được sự nghiệp của các tiền hiền như Trần Tấn, Lê Văn Hưu và Phan Phu Tiên còn để lại, dưới mở đường cho các sử thần như Phan Công Trứ, Dương Mao và Hồ Sĩ Dương, v.v... sau này. Ông thật xứng đáng với bốn chữ “Kế vãng, khai lai”.

Về vấn đề bàn người và việc, tuy có bị hạn chế phần nào vì điều kiện lịch sử và điều kiện giai cấp, nhưng ở thời đại ông, ông đã có những tiến bộ như:

- Đối với chúa đương triều, cũng dám mạnh dạn “phê bình”, nêu ra những khuyết điểm bên cạnh những ưu điểm;

- Đặc biệt là ông có tinh thần tự hào dân tộc ở chỗ đặt “Lời bàn”, đầu năm Thuận Thiên thứ nhất (1428), Lê Lợi đánh đuổi quân Minh về nước, thống nhất thiên hạ, lên ngôi hoàng đế: “...Phương Bắc tuy lớn mạnh nhưng không thể đè nén được phương Nam, xem ngay như thời (Tiền) Lê, Lý, Trần thì biết... Thánh chúa (Lê Thái Tổ) lấy nghĩa mà đánh, lấy nhân mà dẹp, non sông được đổi mới, nhật nguyệt lại sáng ngời, nhân dân được yên, nước nhà được trị...”.

Rồi ông kết luận bằng một câu chí lý, nêu bật bí quyết sở dĩ thành công, có tác dụng mãi đến ngày nay: “...Là vì trên dưới một lòng vậy”. Sau này Chủ tịch Hồ Chí Minh kính mến đã dạy chúng ta: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết” thì “Thành công, thành công, đại thành công!”.

Hiện nay tại quê hương Ngô Sĩ Liên còn hai tấm bia đá có nội dung như nhau, nói về thân thế, sự nghiệp của ông do một người huấn đạo họ Bùi viết văn bia vào năm 1861. Một tấm bia dựng tại đền thờ Ngô Sĩ Liên ở làng Chúc Lý, một tấm nữa dựng ở đền thờ Ngô Sĩ Liên ở làng Ngọc Giả. Sau các đền thờ đó đều bị hư hỏng, dân làng đưa một tấm để ở chùa Chúc Lý, một tấm để ở đình Ngọc Giả.

Theo *Danh nhân quê hương, Ty Văn hóa Thông tin Hà Tây, 1973*

(1) Nguyên văn là “Mã Sử”. Chúng tôi cho rằng đây tác giả có ý chỉ về bộ *Tư tri thông giám* của Tư Mã Quang đời Tống, vì sử của Quang là lối sử biên niên.